TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 6 – 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm.

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2023/TLST - HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chương Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 43, đường Phan Đình P, khóm 1, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Trọng N, sinh năm 1988; Địa chỉ: số 147, đường Nguyễn Công T, khóm 7, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Chương Thanh T và anh Huỳnh Trọng N chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/01/2015. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh chị sống không hòa hợp nhau, bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, dạy dỗ con cái và anh N thiếu tôn trọng chị nên vợ chồng thường hay cải vã với nhau. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng anh N vẫn không sửa đổi, hiện chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, chị T khai có một người con là Huỳnh Trọng Phú An, sinh ngày 22/9/2015, hiện con đang chung sống với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không đặt ra yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có.

Đối với anh Huỳnh Trọng N, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Huỳnh Trọng N đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân, chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh N không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính mâu thuẫn trên, chị T xác định không còn tình cảm với anh N và kiên quyết ly hôn, nếu Toà án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không chung sống với anh N. Từ lẽ đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh N với chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh N là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Huỳnh Trọng Phú An, sinh ngày 22/9/2015, hiện con đang chung sống với chị T. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho anh N nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi tại tòa, chị T xác định chị có đủ điều kiện nuôi dạy con. Hơn nữa, việc ly hôn giữa anh chị đã phần nào xáo trộn đến cuộc sống bình thường và tâm lý của cháu An. Do đó, cần hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của con trẻ nên tiếp tục giao cháu An cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng chị T cho rằng chị có công việc làm, thu nhập ổn định nên có đầy đủ điều kiện chăm lo cuộc sống của con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị T nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Chương Thanh T về việc xin ly hôn anh Huỳnh Trọng N.

- Về con chung là Huỳnh Trọng Phú An, sinh ngày 22/9/2015, hiện con đang chung sống với chị Chương Thanh T nên tiếp tục giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Huỳnh Trọng N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Trọng N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Chương Thanh T khai không có, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhận và gia đình, chị Chương Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 17/4/2023, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003205 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường 6, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân